

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG

**CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA
CON NGƯỜI THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. CHU THỊ TRANG VÂN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	8
1.1. Nhân phẩm, danh dự của con người và ý nghĩa của việc quy định các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người trong Luật hình sự Việt Nam	8
1.1.1. Khái niệm nhân phẩm, danh dự của con người	8
1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Luật hình sự Việt Nam	10
1.2. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người	13
1.2.1. Khái niệm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.....	13
1.2.2. Đặc điểm của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người	21
1.3. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay	23
1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho đến Bộ luật hình sự năm 1985	23
1.3.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến nay.....	25
1.4. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới	27
Kết luận chương 1	32
Chương 2: CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TẠI TỈNH ĐẮK LẮK	33
2.1. Quy định về các tội phạm cụ thể xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành.....	33

2.1.1.	Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm cụ thể xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự Việt Nam.....	33
2.1.2.	Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Bộ Luật hình sự Việt Nam.....	53
2.2.	Thực tiễn xét xử các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	60
2.2.1.	Các số liệu của tình hình tội phạm và thực tiễn xét xử các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	60
2.2.2.	Nguyên nhân của tình hình tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	65
	Kết luận Chương 2	68
	Chương 3: KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI	69
3.1.	Sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS Việt Nam	69
3.2.	Một số giải pháp hoàn thiện quy định Bộ Luật Hình Sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người	70
3.2.1.	Về Tội hiếp dâm.....	71
3.2.2.	Về Tội cưỡng dâm	76
3.2.3.	Về tội mua bán phụ nữ và Tội mua bán trẻ em	79
3.2.4.	Về tội làm nhục người khác.....	81
3.2.5.	Về tội vu khống.....	82
3.3.	Các giải pháp, kiến nghị khác nhằm nâng cao hiệu quả công tác xét xử các vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người.....	82
3.3.1.	Các giải pháp cho các Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự	82
3.3.2.	Các giải pháp về tuyên truyền, phổ biến pháp luật dành cho cộng đồng	87
	KẾT LUẬN	88
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	88

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Con người được coi là vốn quý nhất của xã hội, là đối tượng hàng đầu được pháp luật nói chung và luật hình sự nói riêng bảo vệ. Pháp luật hình sự bảo vệ trước hết là bảo vệ về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và các quan hệ, lợi ích hợp pháp khác của con người.

Khoản 1 Điều 20 Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định rõ: *“1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự nhân phẩm.”* Hiến pháp là văn bản pháp luật có giá trị cao nhất ghi nhận quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự. Đồng thời, Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, tại Chương XII đã quy định cụ thể về nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người và trở thành công cụ hữu hiệu trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Khi nói đến tội phạm có thể nói là một hiện tượng tiêu cực nhất trong xã hội. Tội phạm hình thành, phát triển và tồn tại không ngừng cùng với sự phát triển của nhà nước, của xã hội. Tội phạm luôn là hành vi chống đối lại Nhà nước, chống lại xã hội, xâm hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp của con người như quyền sống, quyền hạnh phúc, quyền về chỗ ở... được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Tội phạm đi ngược với lợi ích của cộng đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích chung của con người, của nhân loại. Vì vậy, để phân biệt giữa hành vi được coi là tội phạm với hành vi không phải là tội phạm sẽ giúp việc áp dụng đúng pháp luật cũng như các biện pháp xử lý phi hình sự khác là biện pháp hành chính, kỷ luật.

Trong nhóm các hành vi phạm tội xâm hại đến con người, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự không những gây ra những thiệt hại về thể chất cho con người mà còn để lại những tổn hại “tinh thần”, những vết sẹo không lành cho nạn nhân. Thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này cũng gặp những khó khăn nhất định. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài *“Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Luật hình sự Việt Nam trên cơ sở số liệu xét xử thực tiễn tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk”*, để làm Luận văn tốt nghiệp Cao học Luật với lý do:

Nhân phẩm, danh dự là toàn bộ những phẩm chất mà mỗi con người có được. Nói cách khác, nhân phẩm, danh dự là giá trị làm người của mỗi con người, là sự coi trọng, đánh giá cao của dư luận xã hội đối với một người dựa trên các giá trị tinh thần, đạo đức của người đó. Nhân phẩm con người là thứ thiêng liêng và quý giá vô cùng không ai được tùy tiện xúc phạm và làm tổn thương nhau. Cũng như mỗi con người phải tự gìn giữ nhân phẩm trước khi mong được người khác tôn trọng. Tuy nhiên, con người lại có thói xấu thích phán xét và cho mình quyền phán xét người khác mà không chịu được người khác phán xét mình, hoặc có những hành vi xâm hại nghiêm trọng đến uy tín, nhân phẩm, danh dự của người khác với nhiều góc độ khác nhau.

Nằm trên vùng cao nguyên, Đắk Lắk là một tỉnh có diện tích đất rộng, đất đỏ ba dan, màu mỡ, với 47 dân tộc anh em cùng sinh sống trên địa bàn tỉnh. Trong những năm gần đây, dân số trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh chóng chủ yếu phát triển theo cơ học từ dân di cư tự do các tỉnh phía Bắc vào. Chính từ đặc thù điều kiện tự nhiên nên điều kiện kinh tế, xã hội phát triển nhanh chóng, bên cạnh đó xuất hiện nhiều loại tội phạm có tính chất phức tạp, đặc thù của dân di cư tự do và tiềm ẩn nhiều tội phạm chưa bị xử lý nhất là các tội phạm xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự con người như tảo hôn; tranh chấp đất đai khai hoang dẫn đến chửi bới, đe dọa nhau; kiện, tố cáo vu khống nhau; hiếp dâm trẻ em... Theo số liệu thống kê 05 năm (từ 01/10/2008 đến hết 31/9/2013) việc xét xử các vụ án về xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có chiều hướng gia tăng và ngày càng phức tạp. Hàng năm, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử trung bình 60 vụ án các loại. Để góp phần tuyên truyền, giáo dục, răn đe người phạm tội, cũng như phòng ngừa tội phạm, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thường xuyên bố trí lịch, vụ án của loại tội phạm này xét xử lưu động tại một số địa phương, điều đó góp phần đảm bảo tình hình trật tự, an toàn xã hội và phòng ngừa tội phạm có hiệu quả.

Tuy nhiên, thực tiễn việc xét xử đối với loại tội phạm này về việc định tội danh vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau như việc phân định ranh giới giữa tội giao cấu với trẻ em với tội dâm ô đối với trẻ em; giữa tội hiếp dâm trẻ em với tội giao cấu với trẻ em; giữa tội làm nhục người khác với tội vu khống nên dẫn đến việc định tội danh chưa đúng, làm cho việc xét xử quá nặng hoặc quá nhẹ. Điều này ở một chừng mực nào đó đã làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, uy tín của Tòa án nhân dân

và đặt ra yêu cầu nghiên cứu để giải quyết về cả lý luận và thực tiễn. Để đáp ứng với tình hình mới, căn cứ vào Nghị quyết số 07/2011/QH13 ngày 06/8/2011 của Quốc hội khoá XIII về chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2011, Ủy ban Thường vụ Quốc Hội đã ban hành Nghị quyết số 433/NQ-UBTVQH13 ngày 30/12/2011 về việc thành lập ban soạn thảo Bộ luật hình sự (sửa đổi). Ngày 10/9/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1236/QĐ-TTg về việc phê duyệt kế hoạch tổng kết thi hành Bộ luật hình sự năm 1999 và xuất phát từ yêu cầu cải cách tư pháp, bảo vệ quyền con người, bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người, khắc phục những hạn chế, tìm ra hướng hoàn thiện pháp luật, đấu tranh chống và phòng ngừa loại tội phạm này có hiệu quả.

Từ phân tích trên và nhận thức được tầm quan trọng của việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự nói riêng em đã chọn đề tài nghiên cứu phần *“Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Luật hình sự Việt Nam trên cơ sở số liệu xét xử thực tiễn tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk”*.

2. Tình hình nghiên cứu

Việc nghiên cứu phần các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người có ý nghĩa to lớn không những về mặt lý luận khoa học mà còn cả về thực tiễn. Mặc dù Bộ luật hình sự các năm trước đã quy định về các tội phạm này góp phần bảo vệ quyền bất khả xâm phạm của con người, phòng ngừa và chống tội phạm có hiệu quả. Tuy nhiên, trước tình hình mới, việc cải cách, hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự là nhiệm vụ hết sức quan trọng của các cơ quan lập pháp.

Liên quan đến đề tài này đã có không ít các công trình khoa học nghiên cứu ở những cấp độ, phạm vi khác nhau. Ngoài một số các giáo trình của các cơ sở đào tạo luật như Khoa Luật (Đại học Quốc gia Hà Nội), Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Cảnh sát ... thì còn có một số công trình tiêu biểu tập trung vào các tội phạm cụ thể như:

Luận án tiến sĩ *“Đấu tranh phòng chống mua bán phụ nữ ở Việt Nam”* của Nguyễn Văn Hương bảo vệ tại Trường Đại học luật Hà Nội năm 2008; Luận văn thạc sĩ *“Các tội xâm hại tình dục trẻ em trong Luật hình sự Việt Nam”* của Nguyễn Minh Hương, Luận văn thạc sĩ *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về tội mua bán người trong Luật hình sự Việt Nam”* của Đoàn Ngọc Huyền bảo vệ năm 2014 tại Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội... Một số bài viết đăng tạp chí như *“Luật phòng chống*

mua bán người – Cơ sở pháp lý đấu tranh chống tội mua bán phụ nữ, trẻ em trong thời gian tới” của GS.TS Nguyễn Ngọc Anh trong Tạp chí Công an nhân dân số chuyên đề tháng 11/2011; “*Một số giải pháp phòng ngừa tội phạm mua bán phụ nữ và trẻ em*” của Đặng Thu Hiền trong Tạp chí Kiểm sát số 21/2006...

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu nói trên đã bước đầu tiếp cận nghiên cứu và đưa ra những quan điểm lý luận, thực tiễn về một hoặc một số tội phạm thuộc nhóm tội phạm này. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu toàn bộ và tập trung vào nhóm tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người và phân tích thực tiễn trên một địa bàn cụ thể là tỉnh cao nguyên Đắk Lắk.

3. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những nội dung cơ bản về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự, trên phương diện lý luận và lập pháp hình sự từ khi thành lập nước năm 1945 đến nay.

Luận văn khai thác các số liệu thực tiễn xét xử các tội phạm này tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến năm 2013.

Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn, Luận văn đưa ra những quan điểm, kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật đối với nhóm các tội này và đảm bảo việc định tội danh cũng như quyết định hình phạt trong thực tiễn xét xử đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

4. Đối tượng và mục đích nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận văn là các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Luật hình sự Việt Nam và thực tiễn số liệu xét xử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Trên cơ sở đối tượng nghiên cứu nêu trên, mục đích của Luận văn là nghiên cứu những vấn đề lý luận về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Luật hình sự Việt Nam, so sánh với quy định pháp luật hình sự tương ứng của một số nước trên thế giới. Bên cạnh đó, luận văn còn phân tích, đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về giải quyết các vụ án liên quan đến các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Qua đó, chỉ ra các tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử đối với loại tội này và đưa ra những kiến nghị hoàn thiện sửa đổi, bổ sung chế định này trong Bộ luật hình sự Việt Nam.

5. Cơ sở lý luận và các phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Quan điểm, định hướng của Đảng về chính sách hình sự; Quan điểm xử lý, quyết định hình phạt.

Quá trình nghiên cứu, tác giả luận văn đã sử dụng phương pháp tổng hợp, phương pháp phân tích, thống kê, nghiên cứu các bản án điển hình của loại tội này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, qua đó đưa ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xét xử đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

6. Cơ sở khoa học và thực tiễn của luận văn

- Cơ sở khoa học của luận văn là các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999, sửa đổi năm 2009 về việc giải quyết các vụ án hình sự đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự và các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự; Các công trình nghiên cứu khoa học, các đề tài, sách, báo, Luận án, Luận văn...của các tác giả trong nước và ngoài nước có liên quan đến các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

- Cơ sở thực tiễn của luận văn là thực tiễn các giải pháp đấu tranh, phòng ngừa đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự trong phạm vi 05 năm (2009-2013) của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và qua nghiên cứu 100-150 bản án các loại của Toà án các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Qua đó rút ra những kinh nghiệm và đánh giá việc giải quyết đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

7.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn nhằm làm rõ khái niệm, căn cứ và nội dung của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người; Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Luật hình sự Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Trên cơ sở đó so sánh với pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới để rút ra những kinh nghiệm trong việc hoàn thiện pháp luật.

Góp phần làm sáng tỏ và bổ sung vào khoa học pháp lý hình sự cũng như là tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy về pháp luật tại Việt Nam cũng như phục vụ công tác lập pháp và hoạt động xét xử của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

Phân tích các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội xâm

phạm nhân phẩm, danh dự của con người để có cơ sở làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng khi giải quyết các loại tội phạm này.

Làm cơ sở cho việc hoạch định và thực thi nhiệm vụ đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đối với loại tội này. Qua đó chỉ ra những hạn chế, tồn tại và các nguyên nhân của hạn chế, tồn tại trong quá trình giải quyết các loại tội này. Trên cơ sở đó đưa ra ý kiến, đề xuất hoàn thiện Bộ luật hình sự và các giải pháp bảo đảm thực hiện, đáp ứng với sự phát triển của đất nước trong tình hình mới.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn gồm có 03 chương, cụ thể:

Chương 1: Một số vấn đề chung đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự theo Luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo luật hình sự Việt Nam và thực tiễn tại tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3: Kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự và giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ THEO LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Nhân phẩm, danh dự của con người và ý nghĩa của việc quy định các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người trong Luật hình sự Việt Nam

1.1.1. Khái niệm nhân phẩm, danh dự của con người

Danh dự của con người là sự đánh giá của xã hội đối với một cá nhân về các mặt đạo đức, phẩm chất chính trị và năng lực của người đó. Danh dự của một con người được hình thành từ những hành động và cách cư xử của người đó, từ công lao và thành tích mà người đó có được. Đối với tổ chức thì danh dự là sự đánh giá của xã hội và sự tín nhiệm của mọi người đối với hoạt động của tổ chức đó.

Nhân phẩm là phẩm giá con người, là giá trị tinh thần của một cá

nhân với tính cách là một con người. Danh dự là sự đánh giá của xã hội đối với một cá nhân về các mặt đạo đức, phẩm chất chính trị và năng lực của người đó.

Danh dự của một cá nhân bao gồm các yếu tố sau:

- Lòng tự trọng là sự tự đánh giá mình, tự ý thức về giá trị, vị trí của mình trong xã hội.

- Uy tín chính là giá trị về mặt đạo đức và tài năng được công nhận ở một cá nhân thông qua hoạt động thực tiễn của mình tới mức mà mọi người trong một tổ chức, một dân tộc cảm phục tôn kính và tự nguyện nghe theo.

1.1.2. Ý nghĩa của việc quy định các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Luật hình sự Việt Nam

Việc quy định tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự người khác trong Bộ luật hình sự năm 1985, cũng như trong Bộ luật hình sự năm 1999 có những ý nghĩa sau đây:

- Thứ nhất: Biểu hiện cụ thể mối quan hệ chặt chẽ giữa đạo đức và pháp luật hình sự.

- Thứ hai: Việc quy định các tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh phòng, chống các hành vi xâm phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác trên thực tiễn.

- Thứ ba: Thể hiện sự quan tâm của Nhà nước ta đối với việc bảo vệ và phát triển quyền con người nói chung, nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng.

- Thứ tư: Bảo vệ nhân phẩm, danh dự của công dân, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

1.2. Khái niệm và đặc điểm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

1.2.1. Khái niệm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

Trong BLHS Việt Nam hiện hành, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người được quy định tại Chương XII trong nhóm các tội xâm phạm tính mạng, nhân phẩm, danh dự của con người thể hiện ở các nhóm hành vi nguy hiểm cho xã hội bao gồm:

a. Nhóm hành vi xâm phạm tình dục: Đây là nhóm hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của con người.

b. Nhóm tội phạm buôn bán người: Thuộc nhóm tội phạm này có các

hành vi nguy hiểm cho xã hội như mua bán người, Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em.

c. Nhóm tội phạm khác xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người: Thuộc nhóm này có các hành vi nguy hiểm cho xã hội như làm nhục người khác và vu khống.

Trên cơ sở những phân tích trên có thể có khái niệm như sau: “*Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người là những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của con người, xâm phạm đến tự do thân thể con người và bất kỳ một hành vi nào khác xâm phạm nghiêm trọng đến phẩm giá, uy tín, danh dự của con người do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý*”.

1.2.2. Đặc điểm của các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người

- Thứ nhất, các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người xâm hại đến các quan hệ xã hội là quyền bất khả xâm phạm về nhân phẩm, danh dự con người thông qua việc tác động vào đối tượng cụ thể là con người.

- Thứ hai, nhóm các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại trực tiếp lên các quan hệ xã hội là nhân phẩm, danh dự con người.

- Thứ ba, liên quan đến chủ thể của nhóm tội phạm này: về phương diện lập pháp là chủ thể thường, tức là người thực hiện hành vi phạm tội đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Tuy nhiên, thực tế (đặc biệt các tội xâm phạm tình dục) thì chủ thể của một số tội trong nhóm này là nam giới và nạn nhân là nữ giới.

- Thứ tư, liên quan đến đặc điểm về mặt chủ quan, nhóm tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự đều được thực hiện: dưới hình thức lỗi cố ý. Động cơ mục đích phạm tội tuy ít trường hợp là dấu hiệu định tội nhưng nó là tình tiết định khung của nhiều tội phạm và có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt.

1.3. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của Luật hình sự Việt Nam về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay

1.3.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 cho đến Bộ luật hình sự năm 1985

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam dân chủ

cộng hòa ra đời, đã ban hành một loạt các văn bản quy phạm pháp luật hình sự, nhằm bảo vệ chính quyền nhân dân, chống thực dân Pháp, trừng trị bọn việt gian phản động. Ngày 10-10-1945, Nhà nước ta đã ban hành Sắc lệnh số 47-SL cho tạm thời giữ các luật lệ cũ, trong đó có Bộ "Luật hình An Nam", Bộ "Hoàng Việt hình luật" và Bộ "Hình luật pháp tu chính" với điều kiện không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, đối với việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người, pháp luật hình sự chủ yếu đề cập các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe như giết người, gây thương tích, làm chết người trong Thông tư số 442-TTg ngày 19-11-1955 của Thủ tướng Chính phủ, mà chưa có văn bản pháp luật hình sự nào quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự. Ngày 15-06-1960, Tòa án nhân dân tối cao ra Chỉ thị số 1024 có đề cập tội hiếp dâm, nhưng chưa đề cập tội xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự người khác.

Ngày 11-05-1967, Tòa án nhân dân tối cao đã thông qua Bản tổng kết và hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và các tội phạm khác về mặt tình dục, đề cập một cách toàn diện 4 hình thức phạm tội: hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với người dưới 16 tuổi, dâm ô. Văn bản này chính thức thay thế Chỉ thị số 1024 năm 1960 và các đoạn trong các báo cáo tổng kết hàng năm từ năm 1961 đến 1966 về vấn đề này.

Sau khi miền Nam được giải phóng, Nhà nước Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ban hành Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15-3-1976 quy định các tội phạm và hình phạt. Sắc luật này được áp dụng trong phạm vi toàn quốc trước khi Bộ luật hình sự được ban hành. Sắc luật số 03-SL/76 có quy định về các tội xâm phạm đến thân thể và nhân phẩm của công dân một cách đầy đủ hơn so với Thông tư số 442-TTg ngày 19-11-1955 của Thủ tướng Chính phủ.

1.3.2. Giai đoạn từ sau khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến nay

Ngày 27-6-1985, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, đã thông qua Bộ luật hình sự, có hiệu lực từ ngày 1-1-1986 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 1985). Bộ luật hình sự năm 1985 đã kế thừa và phát triển những thành tựu lập pháp hình sự Việt Nam, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian trước năm 1985 và dự báo được tình hình tội phạm trong thời gian tới.

Ngày 21-12-1999, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, đã thông qua Bộ luật hình sự (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 1999), thay thế cho Bộ luật hình sự năm 1985.

So với Bộ luật hình sự năm 1985, những quy định về tội xâm phạm đến danh dự nhân phẩm người khác trong Bộ luật hình sự năm 1999 có những điểm mới cơ bản như sau:

- Thứ nhất, quán triệt chính sách hình sự của Nhà nước ta trong việc xử lý hình sự đối với những người thực hiện các hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của con người là nghiêm khắc hơn.

- Thứ hai, khung tăng nặng có mức phạt tù từ một năm đến ba năm (trong Bộ luật hình sự năm 1985 là cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm).

- Thứ ba, bổ sung một số tình tiết định khung tăng nặng hình phạt như phạm tội nhiều lần, đối với nhiều người, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, đối với người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, chữa bệnh cho mình.

- Thứ tư, quy định thêm hình phạt bổ sung: người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm (trong Bộ luật hình sự năm 1985 không có quy định này).

1.4. Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự một số nước trên thế giới

Trong Bộ luật hình sự năm 1996 của Liên bang Nga, tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người được thể hiện thông qua tội làm nhục người khác. Bộ luật này còn quy định tội xúc phạm quân nhân.

Trung Quốc, Luật trách nhiệm xâm hại quyền lợi đề cập đến các phương diện đời sống xã hội của nhân dân, liên quan đến tất cả các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, bao gồm các quyền và lợi ích về nhân thân và tài sản, như: quyền về tính mạng, quyền về sức khỏe, quyền về họ tên, quyền về danh vọng, quyền về vinh dự, quyền về hình ảnh, quyền về bí mật cá nhân, quyền về hôn nhân tự do, quyền giám hộ, quyền sở hữu, quyền dụng ích vật sản, quyền bảo đảm vật sản, quyền tác giả, quyền phát minh, sáng chế, quyền thương hiệu, quyền phát hiện, quyền cổ phiếu, quyền thừa kế...”.

Với Luật Hình sự của nước Đức, về những tội liên quan đến hành vi phỉ báng, vu khống lãnh đạo, chính quyền có Điều 90 quy định phỉ báng tổng thống bị phạt tù từ ba tháng tới 5 năm tù;

Các nước Áo, Pháp và Đức có luật cấm nói xấu, cụ thể là cấm tuyên truyền về Đức Quốc xã và sử dụng các biểu tượng của Đức Quốc xã. Ở Israel, Luật Xúc phạm quy định, xúc phạm có thể được coi là tội hình sự hoặc tội dân sự, nhấn mạnh "tìm kiếm sự cân bằng giữa hai giá trị cơ bản, tự do ngôn luận và bảo vệ danh dự, uy tín".

Chương 2

CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. Quy định về các tội phạm cụ thể xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành

2.1.1. Dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm cụ thể xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong Bộ luật hình sự Việt Nam

2.1.1.1. Tội hiếp dâm (Điều 111 BLHS 2009)

- Mặt khách quan của tội phạm: Hành vi khách quan là sử dụng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc sử dụng các thủ đoạn khác như sử dụng thuốc mê, thuốc ngủ, thuốc kích dục làm cho nạn nhân không thể chống cự hay kiểm soát được ... và giao cấu trái ý muốn với nạn nhân.

- Mặt chủ quan của tội phạm: Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội nhận thức, có khả năng kiểm soát và điều chỉnh hành vi của mình, nhìn thấy được hậu quả có thể xảy ra và mong muốn hậu quả đó xảy ra. Mục đích của người phạm tội là nhằm thỏa mãn dục vọng hoặc ham muốn nào đó của bản thân.

- Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm hiếp dâm có thể là nam hoặc nữ, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

- Khách thể của tội phạm: Tội phạm hiếp dâm xâm phạm đến quyền nhân thân của cá nhân, cụ thể hơn là xâm phạm đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của nạn nhân.

2.1.1.2. Tội hiếp dâm trẻ em. (Điều 112 BLHS 2009)

Quy định của Điều 112 là cách quy định không độc lập, hành vi khách quan không được mô tả trong Điều luật. Vì thế, hành vi “hiếp dâm” phải được hiểu thông qua quy định tại Điều 111.

Mặt chủ quan của tội Hiếp dâm trẻ em thể hiện qua việc thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý hoàn toàn.

2.1.1.3. Tội cưỡng dâm (Điều 113 BLHS 2009)

Mặt khách quan, người phạm tội đã lợi dụng quan hệ lệ thuộc hoặc hoàn cảnh có khó khăn đặc biệt nói trên của nạn nhân để khống chế tư tưởng họ, buộc họ phải miễn cưỡng giao cấu. Thủ đoạn mà người phạm tội sử dụng để khống chế có thể là đe dọa, hoặc hứa hẹn.

Mặt chủ quan, người phạm tội hiếp dâm với lỗi cố ý, nghĩa là người phạm tội biết nạn nhân là người lệ thuộc mình hoặc biết họ đang trong tình trạng quẫn bách.

Chủ thể, người bị hại của tội phạm này thông thường là phụ nữ có quan hệ lệ thuộc với người phạm tội hoặc là đang ở trong tình trạng quẫn bách.

2.1.1.4. Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114 BLHS 2009)

Về cơ bản các dấu hiệu của tội cưỡng dâm trẻ em cũng tương tự như đối với tội cưỡng dâm quy định tại Điều 113 Bộ luật hình sự, chỉ khác nhau ở chỗ nạn nhân bị cưỡng dâm ở tội này là trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu nạn nhân dưới 13 tuổi thì người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội hiếp dâm trẻ em quy định tại Điều 112 Bộ luật hình sự.

2.1.1.5. Tội giao cấu với trẻ em (Điều 115 BLHS 2009)

Giao cấu với trẻ em là hành vi của một người đã thành niên giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi không trái với ý muốn của nạn nhân. Người phạm tội phải là người đã thành niên, tức là người đã đủ 18 tuổi trở lên. Chủ thể của tội phạm này có thể là nữ giới, nhưng đa số là nam giới. Việc giao cấu với người dưới 16 là hoàn toàn có sự đồng tình của hai người không bên nào ép buộc bên nào.

2.1.1.6. Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116 BLHS 2009)

Dâm ô đối với trẻ em là hành vi của người đã thành niên dùng mọi thủ đoạn có tính chất dâm dục đối với người dưới 16 tuổi nhằm thoả mãn dục vọng của mình nhưng không có ý định giao cấu với nạn nhân. Lúc đầu, tội phạm này được xem là tội phạm xâm phạm đến trật tự công cộng, tuy nhiên, việc xác định như vậy là không chính xác vì nếu chỉ có hành vi dâm ô giữa những người đã thành niên với nhau ở những nơi công cộng thì mới xâm phạm đến trật tự công cộng, còn dâm ô đối với trẻ em thì đã xâm phạm đến một khách thể quan trọng hơn đó là sự phát triển bình thường về tình dục của trẻ em, nên coi hành vi dâm ô trẻ em là

hành vi xâm phạm nhân phẩm của con người và quy định trong Chương các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự con người là hoàn toàn hợp lý.

Chủ thể của tội phạm này có thể là nam hoặc nữ, nhưng chủ yếu là nam và nhất thiết phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên. Hành vi dâm ô được thể hiện đa dạng như: sờ mó, hôn hít bộ phận sinh dục của nạn nhân; dùng bộ phận sinh dục của mình chà xát với bộ phận sinh dục của nạn nhân hoặc bắt nạn nhân sờ mó, hôn hít bộ phận sinh dục của mình nhằm thoả mãn dục vọng, nhưng không có ý định giao cấu với nạn nhân. Nếu có ý định giao cấu với nạn nhân nhưng không giao cấu được thì không phải là hành vi dâm ô mà tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội hiếp dâm trẻ em, tội cưỡng dâm trẻ em hoặc tội giao cấu với trẻ em. Người bị hại phải là người dưới 16 tuổi, có thể là nữ hoặc là nam, nhưng chủ yếu là trẻ em nữ. Nạn nhân có thể bị người phạm tội cưỡng ép buộc phải thực hiện hành vi dâm ô, nhưng cũng có thể đồng tình với người phạm tội để người phạm tội thực hiện hành vi dâm ô hoặc tự nguyện thực hiện hành vi dâm ô với người phạm tội.

2.1.1.7. Tội mua bán người (Điều 119 BLHS 2009)

Mua bán người là hành vi coi người như một món hàng để trao đổi lấy tiền hoặc lợi ích vật chất khác. Người phạm tội có thể là người mua, có thể là người bán hoặc có thể họ vừa là người mua, vừa là người bán.

Người phạm tội phải nhận thức được hành vi của mình là hành vi mua bán người thì mới là hành vi phạm tội, nếu họ không nhận thức được hành vi của mình là hành vi mua bán người thì không phải là tội phạm. Vì là buôn bán nên dấu hiệu thu lợi cũng là một dấu hiệu quan trọng, nhưng nó không phải là dấu hiệu bắt buộc, việc người phạm tội có thu lợi hay không, điều đó không có ý nghĩa về mặt định tội, nếu có thì cũng chỉ có ý nghĩa về việc áp dụng hình phạt. Hậu quả của hành vi mua bán người là người đó đã bị mua, bị bán.

2.1.1.8. Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em: (Điều 120 BLHS 2009)

Đây là tội phạm bao gồm nhiều hành vi phạm tội độc lập với nhau nhưng cùng xâm phạm đến một đối tượng, đó là trẻ em.

Quy định này cần hiểu là, mua bán trẻ em là hành vi coi trẻ em như một món hàng để trao đổi lấy tiền hoặc lợi ích vật chất khác. Như vậy, hành vi mua bán trẻ em cũng giống như hành vi mua bán người. Tuy

nhiên, mục đích của việc mua bán trẻ em có những trường hợp xuất phát từ tình cảm, chứ không hoàn toàn mang tính thương mại thuần túy. Đánh tráo trẻ em là dùng trẻ em này để đổi lấy một trẻ em khác theo ý muốn của mình. Chiếm đoạt trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, dùng thủ đoạn gian dối, lén lút, công nhiên hoặc thủ đoạn khác để chiếm đoạt trẻ em.

2.1.1.9. Tội làm nhục người khác (Điều 121 BLHS 2009)

Làm nhục người khác là hành vi xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của con người. Người phạm tội phải là người có hành vi được thể hiện bằng lời nói hoặc hành động xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm danh dự của người khác như: lăng mạ, chửi rủa thậm tệ, lột quần áo giữa đám đông người. Ý thức chủ quan của người phạm tội là mong muốn cho người bị hại bị nhục với nhiều động cơ khác nhau như: để trả thù, có thể trả thù chính người bị hại hoặc cũng có thể trả thù người thân của người bị hại. Để làm nhục người khác, người phạm tội có thể có những hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực như: bắt trói, tra khảo, vật lộn, đấm đá hoặc dùng phương tiện nguy hiểm không chế đe dọa buộc người bị hại phải làm theo ý muốn của mình, nhưng tất cả các hành vi, thủ đoạn đó chỉ nhằm mục đích là làm nhục chứ không nhằm mục đích khác.

2.1.1.10. Tội vu khống (Điều 122 BLHS 2009)

Vu khống là hành vi bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền lợi của người khác, hoặc bịa đặt là người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền. Người phạm tội phải có một trong các hành vi sau: Bịa đặt những điều không có thực, bịa đặt là tự nghĩ ra một điều gì đó mà không có đối với người khác, tuy người phạm tội không bịa đặt, nhưng lại loan truyền những điều biết rõ là bịa đặt.

Người bị hại chính là người bị vu khống, là công dân, chứ không phải pháp nhân hoặc cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội.

2.1.2. Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người theo Bộ Luật hình sự Việt Nam.

- Đối với tội hiếp dâm: Người phạm tội có thể bị phạt tù từ 2 năm đến tù chung thân. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

- Đối với tội hiếp dâm trẻ em, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 7

năm đến tù chung thân hoặc tử hình. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

- Đối với tội cưỡng dâm, cưỡng dâm một người, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm, cưỡng dâm người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

- Đối với tội cưỡng dâm trẻ em, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 5 năm đến tù chung thân

- Đối với tội giao cấu với trẻ em, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 1 năm đến đến 15 năm.

- Đối với tội dâm ô với trẻ em, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 6 tháng đến 12 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

- Đối với tội mua bán người, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 2 năm đến đến 20 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt tiền (bổ sung) từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm.

- Đối với tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em, người phạm tội có thể bị phạt tù từ 3 năm đến tù chung thân. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 50 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm hoặc phạt quản chế từ 1 năm đến 5 năm.

- Đối với tội làm nhục người khác, người phạm tội có thể bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

- Đối với tội vu khống, người phạm tội có thể bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 7 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

2.2. Thực tiễn xét xử các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

2.2.1. Các số liệu của tình hình tội phạm và thực tiễn xét xử các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Theo số liệu, có thể kết luận rằng số lượng các vụ án về tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự ở tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến 2013 tăng, chiếm tỷ lệ tương đối thấp khoảng 3% tổng số vụ án hình sự. Trong đó, số lượng vụ án xét xử qua các năm thay đổi phức tạp, từ năm 2009 đến 2011 số lượng các vụ án giảm, nhưng sau đó tăng nhanh trong các năm 2012 và 2013. Tương tự tỷ lệ vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự được xét xử so với số vụ án các tội qua các năm thay đổi tương ứng, từ năm 2009 đến 2011 tỷ lệ này giảm, nhưng sau đó tăng nhanh trong các năm 2012 và 2013. Trong số lượng các vụ án ở trên, số lượng các bị cáo cũng thay đổi phức tạp, tỷ lệ số lượng bị cáo về tội xâm phạm danh dự nhân phẩm chiếm khoảng 2% tổng số bị cáo và tỷ lệ này cũng thay đổi như sự thay đổi của số lượng các vụ án.

Qua số liệu thống kê, điều nổi bật là không có tội phạm ở điều 120 BLHS 1999 Tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em và điều 122 BLHS 1999 Tội vu khống bị xử lý ở tỉnh Đắk Lắk. Trong khi đó, số lượng vụ án về tội Hiếp dâm trẻ em điều 112 BLHS 1999 chiếm tỷ lệ cao nhất, khoảng 45% và có xu hướng ngày càng tăng, từ năm 2009 đến 2011 giảm nhưng sau đó tăng trong năm 2012 và 2013. Tiếp đến, số lượng vụ án về tội giao cấu với trẻ em đứng thứ nhì với tỷ lệ khoảng 25%, thứ ba là tội Hiếp dâm với tỷ lệ khoảng 16%, tiếp đến là Tội dâm ô đối với trẻ em với tỷ lệ khoảng 12%, còn lại các tội khác chiếm khoảng 1% hoặc thấp hơn. Tương ứng với số lượng vụ án thì số lượng bị cáo cũng giữ vị trí như số lượng vụ án, như vậy có thể nói rằng số lượng các vụ án về tội xâm phạm danh dự nhân phẩm ở tỉnh Đắk Lắk tỷ lệ thuận với nhau. Một điều nổi lên trong thực tiễn xét xử các tội phạm về xâm phạm nhân phẩm, danh dự là các tội phạm xâm phạm đến trẻ em chiếm tỷ lệ tương đối lớn và hầu hết các loại tội phạm đều có chiều hướng gia tăng.

2.2.2. Nguyên nhân của tình hình tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người trên địa bàn Tỉnh Đắk Lắk

Về nguyên nhân của tình hình tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự như đã nêu trên thì có nhiều, nhưng tập trung chủ yếu là một số nguyên nhân sau đây:

- Thứ nhất, do ảnh hưởng của văn hóa phẩm kích động, bạo lực, phim, ảnh khiêu dâm tràn lan, đặc biệt trên Internet, những website khiêu dâm, game online kích dục; do sử dụng rượu, bia quá mức dẫn đến say xỉn... khiến người ta dễ bị kích thích, mất kiểm soát hành vi bản thân.

- Thứ hai, sự tác động của cuộc sống đô thị hóa cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của tội phạm này.

- Thứ ba, nhiều gia đình biết con mình bị xâm hại nhưng không tố cáo tội phạm vì nhiều lý do.

- Thứ tư, một số trường hợp, cha mẹ của các em đã thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, giáo dục con em mình.

- Thứ năm, một số trường hợp do các em nhận thức chưa đầy đủ, bắt chước hành động của người lớn qua phim ảnh, sách báo, nhất là qua mạng Internet v.v....

- Thứ sáu, việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hoá – xã hội, giáo dục - truyền thông của các cơ quan chức năng tuy đã được tăng cường nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Chương 3

KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI XÂM PHẠM NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI

3.1. Sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện các quy định về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người trong BLHS Việt Nam

Loại tội phạm này không chỉ xâm hại đến sự phát triển bình thường, lành mạnh của con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tâm, sinh lý của người bị hại về lâu dài, làm tổn thương tinh thần người bị hại cũng như gia đình của họ. Ở khía cạnh xã hội, hành vi này còn có tác động xấu đến môi trường xung quanh, nhiều vụ án gây phẫn nộ, gây bức xúc, nhức nhối trong dư luận:

Trong thời gian qua, việc đấu tranh phòng, chống của các cấp, các ngành tư pháp đối với loại tội phạm này ngày càng được nâng cao song vẫn không tránh khỏi những khó khăn khi thực tiễn áp dụng pháp luật còn gặp nhiều vướng mắc. Việc hạn chế, thiếu sót trong quy định của pháp luật hình sự cũng như những vướng mắc khi áp dụng pháp luật trong thực tiễn đã gây không ít trở ngại cho các cơ quan tư pháp kịp thời bảo vệ những đối

tượng mà chủ yếu là trẻ em và phụ nữ. Những quy định của các điều luật về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự khi áp dụng vẫn gặp phải những quan điểm, đường lối xử lý thiếu thống nhất, còn tùy nghi do cách hiểu, cách tiếp cận những quy định luật hình sự của các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án còn nhiều khác biệt. Điều này dẫn đến việc áp dụng pháp luật vào thực tế không thể hiện được hết mức độ tương xứng giữa chế tài áp dụng với tính chất, mức độ nguy hiểm hay hậu quả mà người phạm tội gây ra, không thể hiện được hết tính nghiêm minh của pháp luật vào đời sống xã hội.

Vì vậy, để đề khắc phục những hạn chế, vướng mắc hiện nay, mặt khác góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử người phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự, điều cần thiết hiện nay là tiếp tục hoàn thiện các quy định về tội này trong Bộ luật Hình sự Việt Nam.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quy định Bộ Luật Hình Sự về các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người

3.2.1. Về Tội hiếp dâm

Quy định rõ chủ thể của tội hiếp dâm là chủ thể thường bất cứ người nào, có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi luật định. Cần có hướng dẫn mới về định nghĩa thuật ngữ “giao cấu”, cần thiết quy định thêm một số tình tiết định khung khác trong khoản 2, khoản 3 của điều 112 BLHS 1999, cần thiết lưu ý đến ý thức chủ quan của người phạm tội, xem xét quy định mức phạt cần có sự nối tiếp nhau, không chồng lấn mức hình phạt giữa các khoản trong điều luật nhằm đạt mức độ chính xác cao hơn khi quyết định hình phạt, cần quy định rõ ràng, hướng dẫn cụ thể về tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, cần có cơ chế hoặc cách thức tính loại trừ, triệt tiêu nhau giữa các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng nhằm có được mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng còn lại sau khi đã loại trừ, triệt tiêu nhau.

3.2.2. Về Tội cưỡng dâm

Cần sửa lại tình tiết định tội, bao gồm cả chủ thể và hành vi, thủ đoạn thuộc mặt khách quan. Quy định rõ cưỡng dâm là hành vi giao cấu với người khác có sự miễn cưỡng đồng ý của họ bằng thủ đoạn uy hiếp tinh thần; bỏ cụm từ dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách cho dễ hiểu, dễ áp dụng và dễ chứng

minh về mặt tố tụng bởi lẽ về mặt lý luận cũng như thực tiễn để xác định đúng thế nào là trong tình trạng quần bách là rất khó.

3.2.3. Về tội mua bán phụ nữ và Tội mua bán trẻ em

Tội mua bán phụ nữ và Tội mua bán trẻ em quy định Điều 119, 120 Bộ luật hình sự năm 1999. Hai tội này cần gộp lại thành một tội với tội danh là Tội mua bán người để khắc phục tình trạng bỏ lọt hành vi mua bán người không phải phụ nữ, cũng không phải là trẻ em và nhằm trừng trị nghiêm hành vi mua bán người đang có xu hướng gia tăng trong thời gian gần đây.

3.2.4. Về tội làm nhục người khác

Cần bỏ cụm từ nghiêm trọng trong cấu thành tội phạm cơ bản.

3.2.5. Về tội vu khống

Cần bỏ cụm từ nhằm xúc phạm danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác trong cấu thành tội phạm cơ bản.

3.3. Các giải pháp, kiến nghị khác nhằm nâng cao hiệu quả công tác xét xử các vụ án xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người

3.3.1. Các giải pháp cho các Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự

Thứ nhất, trên cơ sở các quy định của pháp luật, Tòa án các cấp tăng cường sự phối hợp với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát và các cơ quan hữu quan khác để thu thập đầy đủ chứng cứ, hoàn thiện hồ sơ vụ án; thường xuyên trao đổi, thống nhất nhận thức về các quy định của pháp luật cũng như những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đánh giá các tình tiết khách quan của vụ án, nhằm đảm bảo xét xử, giải quyết các vụ án về xâm hại nhân phẩm, danh dự đúng pháp luật.

Thứ hai, để khắc phục các khó khăn, vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự trong giải quyết, xét xử các tội phạm xâm hại nhân phẩm, danh dự cần thiết phải nghiên cứu sửa đổi quy định về các tội phạm xâm hại nhân phẩm, danh dự trong Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự.

Thứ ba, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sớm cho phép thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên trong hệ thống Tòa án nhân dân để việc xét xử đáp ứng yêu cầu bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của người chưa thành niên, đặc biệt khi người chưa thành niên là người bị hại trong các vụ án xâm hại tình dục.

Cần phải nâng cao trình độ, chuyên môn đội ngũ cán bộ, do đó phải xây dựng cơ chế nâng cao trách nhiệm, trình độ của đội ngũ cán bộ Cơ

quan điều tra, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thông qua các lớp tập huấn, đào tạo - bồi dưỡng chuyên môn.

3.3.2. Các giải pháp về tuyên truyền, phổ biến pháp luật dành cho cộng đồng

Thứ nhất, đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, Chiến lược Quốc gia về bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015 và nội dung các văn bản pháp luật như: Luật hình sự, Luật bình đẳng giới, Luật hôn nhân và gia đình, Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về bạo lực tình dục và phòng, chống bạo lực tình dục.

Thứ hai, nâng cao năng lực và trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân người tham gia phòng, chống việc xâm hại nhân phẩm, danh dự của con người ở các cấp.

Thứ ba, để tránh những sự việc đau lòng do tội phạm xâm hại nhân phẩm, danh dự gây nên, đặc biệt là tội xâm hại tình dục, gia đình cần quản lý con cái chặt chẽ hơn, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm của người mẹ.

KẾT LUẬN

Tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1985, Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự sửa đổi bổ sung năm 2009 của nước ta, có ý nghĩa về mặt lập pháp hình sự hết sức to lớn. Nó đánh dấu sự trưởng thành về kỹ thuật lập pháp hình sự của nước ta trong lĩnh vực bảo vệ quyền con người nói chung, bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng. Việc chính thức ghi nhận về mặt pháp lý hình sự tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành là một biểu hiện cụ thể của việc quy định về quyền con người tại Điều 14 Hiến pháp năm 2013: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, những quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật".

Tình hình vi phạm nhân phẩm, danh dự của con người ở nước ta trong thời gian qua diễn ra rất phức tạp. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác giáo dục văn hóa, đạo đức, lối sống mới chưa được quan tâm đúng mức, còn nhiều thiếu sót; hệ thống pháp luật về quyền con người nói

chung về bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng, còn thiếu đồng bộ, chưa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh mới của đất nước; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn nhiều hạn chế, kém năng động, thiếu sức thuyết phục chưa phù hợp với từng loại đối tượng; các cơ quan bảo vệ pháp luật còn thiếu đồng bộ, nghiêm khắc và kiên quyết trong đấu tranh phòng, chống vi phạm nhân phẩm, danh dự của con người. Vì vậy, cuộc đấu tranh phòng, chống tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người chỉ có tác dụng và đạt kết quả thực sự khi khắc phục được những nguyên nhân nói trên.

Tình hình vi phạm quyền con người nói chung, vi phạm nhân phẩm, danh dự của con người nói riêng là một trong những vấn đề cần quan tâm trong xã hội ta, bởi lẽ một đất nước muốn có kinh tế phát triển bền vững, ngoài những chỉ tiêu tăng trưởng về kinh tế, còn đòi hỏi sự phát triển về văn hóa, giáo dục, về mức độ tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người. Tình hình vi phạm nhân phẩm, danh dự của con người hiện nay vẫn còn đang là vấn đề bức xúc trong xã hội và hễ có sự buông lỏng trong đấu tranh của các cơ quan bảo vệ pháp luật, của các cấp, các ngành, vấn đề này lại tiếp tục phát triển. Vì vậy, đấu tranh phòng, chống vi phạm nhân phẩm, danh dự của con người là một nhiệm vụ quan trọng đặt ra đối với Đảng, Nhà nước và toàn dân ta. Phải coi đây là cuộc đấu tranh của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của các cấp ủy Đảng. Phải phát động cho được phong trào quần chúng rộng rãi, thường xuyên tham gia đấu tranh, phòng, chống tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người, đồng thời phát huy được vai trò tham mưu, nòng cốt của các lực lượng Công an, Tư pháp, sự tham gia tích cực của các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng. Trong lãnh đạo, chỉ đạo phải luôn luôn bám sát các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những đặc điểm riêng của từng địa phương, để có những chủ trương, biện pháp sát thực, hiệu quả, tránh dập khuôn máy móc, phô trương hình thức, phải coi công tác giáo dục đạo đức, lối sống mới, đồng thời đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người, sự tôn trọng và bảo vệ nhân phẩm, danh dự của con người.

Đây là những nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên, liên tục có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh này. Đi đôi với việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người, cần phải kiên quyết xử lý hành chính và dân sự các trường hợp xâm hại đến nhân phẩm, danh dự

của con người, kịp thời răn đe, giáo dục người vi phạm để ngăn ngừa họ tiếp tục vi phạm và có thể trở thành người phạm tội. Đồng thời cũng kiên quyết phải xử lý về hình sự những hành vi phạm tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự người khác để có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung. Trong việc xử lý này, cần tăng cường phối hợp hoạt động có hiệu quả giữa cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng, chính quyền các địa phương để tạo thành sức mạnh tổng hợp. Giải quyết tình hình tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người phải trên cơ sở giải quyết đúng đắn những mâu thuẫn nảy sinh trong xã hội, xây dựng gia đình, nhà trường, xã hội lành mạnh, mọi người tôn trọng lẫn nhau, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương. Hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự con người phụ thuộc vào việc phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị, đẩy mạnh phong trào cách mạng của toàn dân, tính chủ động, tích cực của các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn loại tội phạm này và tính đồng bộ của các biện pháp.